| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**TỈNH VĨNH LONG** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

Số: 23/2023/HNGĐ-PT
Ngày: 07/11/2023
V/v "Tranh chấp ly hôn, nuôi con"

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH VĨNH LONG**

***- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có***:
*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa*: Ông Lê Nguyên Khoa.
*Các Thẩm phán*: Ông Nguyễn Hữu Tuấn
Bà Nguyễn Thị Tư.

***- Thư ký phiên tòa***: Bà Tô Thị Út – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long.

***- Đại diện viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Long***: Bà Lữ Thị Tuyết Lan - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 07 tháng 11 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 23/2023/TLPT-HNGĐ, ngày 16 tháng 10 năm 2023 về việc "Tranh chấp ly hôn, nuôi con".

Do bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số: 139/2023/HNGĐ-ST ngày 24 tháng 8 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện V L, tỉnh V L bị kháng cáo.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 26/2023/QĐ-PT ngày 19 tháng 10 năm 2023 giữa các đương sự:

*1. Nguyên đơn*: Anh **Trương Quang K**, sinh năm 1971 (có mặt)
Địa chỉ: Ấp R C, xã T A L, huyện V L, tỉnh V L.

*2. Bị đơn*: Chị **Trần Thị L**, sinh năm 1967 (có mặt)
Địa chỉ: Ấp R C, xã T A L, huyện V L, tỉnh V L.

*3. Người kháng cáo*: Bị đơn Trần Thị L.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*- Theo nguyên đơn anh Trương Quang Ki trình bày:*

Về hôn nhân: Anh K và chị Trần Thị L qua quen biết rồi tiến tới hôn nhân, có tổ chức lễ cưới vào năm 1994, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T A L, huyện V L, tỉnh V L. Sau ngày cưới vợ chồng sống chung với gia đình cha mẹ ruột của anh K. Thời gian chung sống hạnh phúc được 16 năm cho đến năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn, do chị L không tôn trọng anh, làm việc gì cũng không bàn bạc, không lo cho gia đình, sống chung với bên gia đình chồng nhưng không chăm sóc cha mẹ chồng, tự gây nợ

nên anh phải trả nhiều lần dẫn đến vợ chồng không có tiếng nói chung, thường hay cự cải. Hiện nay, vợ chồng sống chung một nhà nhưng không ai quan tâm đến ai. Anh K nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, không thể hàn gắn để đoàn tụ, mục đích hôn nhân không đạt được nên anh yêu cầu được ly hôn với chị L.

Về con chung: Có 02 con là Trương Trọng H, sinh ngày 30/01/1997 và Trương Huỳnh N H, sinh ngày 01/01/2010. Trọng H đã thành niên nên không đặt ra yêu cầu Tòa án giải quyết. Đối với cháu H, anh K yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng và không yêu cầu chị Loan cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung phải thu, phải trả: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*- Theo bị đơn chị Trần Thị L trình bày:*

Về hôn nhân: Thống nhất theo lời trình bày của anh K về mối quan hệ hôn nhân. Về mâu thuẫn vợ chồng không có, nhưng vợ chồng có cãi vã nhau và không đáng kể. Qua yêu cầu ly hôn của anh K thì chị L không đồng ý và yêu cầu được đoàn tụ.

Về con chung: Có 02 con là Trương Trọng H, sinh ngày 30/01/1997 và Trương Huỳnh N H, sinh ngày 01/01/2010. Trọng H đã thành niên nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Đối với cháu H, nếu giải quyết cho ly hôn thì chị yêu cầu được nuôi dưỡng và không yêu cầu anh K cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung phải thu, phải trả của vợ chồng: Không yêu cầu giải quyết.

*- Tại Bản án sơ thẩm số 139/2023/HNGĐ-ST ngày 24/8/2023 của Tòa án nhân dân huyện V L, tỉnh V L đã tuyên xử:*

Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh Trương Quang K.

Về hôn nhân: Cho anh Trương Quang K được ly hôn với chị Trần Thị L.

Về con chung: Có 02 con chung Trương Trọng H, sinh ngày 30/01/1997 và Trương Huỳnh N H, sinh ngày 01/01/2010. Trương Trọng H đã thành niên nên anh Trương Quang K và chị Trần Thị L không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Giao cháu Trương Huỳnh N H cho anh Trương Quang K trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Chị Trần Thị L không phải cấp dưỡng cho cháu Trương Huỳnh N H.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên về tài sản chung; nợ chung phải thu, phải trả; án phí sơ thẩm; quyền, nghĩa vụ thi hành án và quyền kháng cáo của các đương sự theo luật định.

- Ngày 07/9/2023, bị đơn chị Trần Thị L có đơn kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xem xét giải quyết theo hướng không chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn anh Trương Quang K. Nếu ly hôn thì chị L yêu cầu được nuôi dưỡng con chung là Trương Huỳnh N H và không yêu cầu anh K cấp dưỡng nuôi con.

- *Tại phiên tòa phúc thẩm*:

Chị Trần Thị L không có cung cấp tài liệu, chứng mới và vẫn giữ nguyên kháng cáo yêu cầu giải quyết theo hướng không chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh Trương Quang K vì lý do anh K có quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác và vì tương lai của 02 con chung. Nếu ly hôn thì chị yêu cầu được nuôi dưỡng con chung là cháu Trương Huỳnh N H và không yêu cầu anh K cấp dưỡng nuôi con.

Anh Trương Quang K không đồng ý theo yêu cầu kháng cáo của chị L, thống nhất theo như án sơ thẩm đã tuyên và không có cung cấp tài liệu, chứng mới.

- *Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân nhân tỉnh Vĩnh Long*:

+ Về tính hợp pháp của kháng cáo: Bị đơn kháng cáo đã thực hiện đúng thủ tục và thời hạn theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, nên Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long thụ lý giải quyết theo thủ tục phúc thẩm là phù hợp.

+ Về tuân theo pháp luật của những người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng đã thực hiện đầy đủ theo đúng thủ tục của pháp luật tố tụng dân sự quy định.

+ Về nội dung giải quyết vụ án: Áp dụng khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bị đơn Trần Thị L. Giữ nguyên Bản án sơ thẩm số 139/2023/HNGĐ-ST ngày 24/8/2023 của Tòa án nhân dân huyện V L, tỉnh V L về hôn nhân và con chung.

+ về án phí: Do giữ nguyên án sơ thẩm nên bị đơn kháng cáo phải chịu 300.000đ tiền án phí dân sự phúc thẩm quy định tại khoản 1 Điều 148 của Bộ luật Tố tụng dân sự và khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Đối với các phần quyết định khác của Bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị, có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

- *Phần tranh luận*: Chị L đề nghị anh K chấm dứt mối quan hệ tình cảm giữa anh K với người phụ nữ khác thì chị sẽ xin nghỉ việc về chăm lo cho gia đình. Anh K không có tranh luận.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Bị đơn kháng cáo đã thực hiện đúng thủ tục và thời hạn theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Do đó, Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long tiến hành thụ lý giải quyết theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Xét nội dung kháng cáo:

Bị đơn chị Trần Thị L kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm giải quyết theo hướng không chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn anh Trương Quang K. Nếu ly hôn thì chị L yêu cầu được nuôi dưỡng con chung là cháu Trương Huỳnh N H và không yêu cầu anh K cấp dưỡng nuôi con.

2.1. Xét về quan hệ hôn nhân:

Về tình nghĩa vợ chồng thì anh K và chị L phải có nghĩa vụ thương yêu nhau, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình. Tại phiên tòa phúc thẩm, anh K và chị L đều thừa nhận thực tế tuy vợ chồng sống chung một nhà nhưng đã ly thân nhau từ năm 2019 và hiện nay sinh hoạt ăn, uống trong gia đình đều riêng biệt, kinh tế gia đình mỗi người tự quyết định riêng. Qua đó cho thấy, anh K và chị L không tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau và cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình dẫn đến vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do đó, theo yêu cầu của anh K xin ly hôn với chị L là có sở theo như nhận định của án sơ thẩm và phù hợp với quy định tại Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình.

2.2. Xét về con chung:

Án sơ thẩm giải quyết giao cháu Trương Huỳnh N H, sinh ngày 01/01/2010 cho anh K tiếp tục nuôi dưỡng và chị L không phải cấp dưỡng nuôi con.

Xét điều kiện, hoàn cảnh hiện nay thì cháu N H đang sống chung với anh K, chị L và được chăm lo, giáo dục, học hành đầy đủ, được hưởng quyền lợi về mọi mặt nên quyền tiếp tục nuôi con của anh K và chị L là ngang nhau.

Tuy nhiên, anh K và chị L không thỏa thuận được việc ai nuôi con, nhưng theo nguyện vọng của cháu H là được tiếp tục chung sống với anh K. Vì vậy, để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt cho cháu, đảm bảo sự ổn định, liên tục, giảm thiểu sự xáo trộn về môi trường sống và giáo dục của cháu cũng như mong muốn của cháu được ở cùng với cha. Do đó, Hội đồng xét xử giao cháu H cho anh K tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp với quy định tại Điều 81 của Luật Hôn nhân và Gia đình theo như án sơ thẩm đã tuyên.

Từ những nhận định trên, kháng cáo của chị L không được chấp nhận và giữ nguyên Bản án sơ thẩm số 139/2023/HNGĐ-ST ngày 24/8/2023 của Tòa án nhân dân huyện V L, tỉnh V L về hôn nhân và con chung theo như quan điểm của đại diện Viện kiểm sát.

[3] Về án phí phúc thẩm: Do cấp phúc thẩm giữ nguyên án sơ thẩm nên bị đơn kháng cáo phải chịu tiền án phí dân sự phúc thẩm quy định tại khoản 1 Điều 148 của Bộ luật Tố tụng dân sự và khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Buộc chị L phải chịu 300.000đ tiền án phí dân sự phúc thẩm.

[4] Đối với các phần quyết định khác của Bản án sơ thẩm về tài sản chung; nợ chung phải thu, phải trả và án phí sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị, có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

*Vì các lẽ trên,*

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Không chấp nhận kháng cáo của chị Trần Thị L.

Giữ nguyên Bản án sơ thẩm số 139/2023/HNGĐ-ST ngày 24/8/2023 của Tòa án nhân dân huyện V L, tỉnh V L.

Căn cứ vào các Điều 56, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình

Căn cứ khoản 1 Điều 148 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

*Tuyên xử:*

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Trương Quang K.

1. Về hôn nhân: Anh Trương Quang K được ly hôn với chị Trần Thị L.

2. Về con chung: Trương Trọng H, sinh ngày 30/01/1997 tính đến nay đã trưởng thành nên không đặt ra giải quyết.

Giao Trương Huỳnh N H, sinh ngày 01/01/2010 cho anh Trương Quang K tiếp tục nuôi dưỡng. Chị Trần Thị L không phải cấp dưỡng cho cháu H.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

3. Về án phí phúc thẩm: Buộc chị Trần Thị L phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự phúc thẩm, nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) đã nộp tạm ứng án phí phúc thẩm theo biên lai thu số 0009701 ngày 11/9/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện V L, tỉnh V L, nên chị L không phải nộp thêm.

4. Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm về tài sản chung; nợ chung phải thu, phải trả và án phí sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị, có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

***Nơi nhận***:
- TANDCC tại TP.HCM
- VKSND tỉnh V L;
- TAND tỉnh V L;
- TAND huyện V L;
- CC THADS huyện V L;
- UBND xã T A L;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM**
**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Lê Nguyên Khoa**